

**BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN**

Khoa: Luật

Bậc học: ĐẠI HỌC

Tên học phần: Luật Kinh tế Việt Nam 2

Học kì:..... Năm học:.....

Địa điểm học tập: Tòa nhà D, 193 Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội

Mã DS: 2995

Ngành học: Luật kinh tế

Hệ đào tạo: Đại học Chính qui

Mã học phần: CNBLK15

Ngày thi: 26/09/2016

Phòng thi: P2.1

| STT | MÃ SV       | HỌ VÀ TÊN            | NGÀY SINH  | LỚP CN | ĐIỂM       |         |     | ĐIỂM HỌC PHẦN | GHI CHÚ |
|-----|-------------|----------------------|------------|--------|------------|---------|-----|---------------|---------|
|     |             |                      |            |        | Chuyên cần | Giữa kỳ | Thi |               |         |
| 1   | 14A51010012 | Lê Thị Phương Anh    | 09/09/1996 | KT1401 | 10         | 8       | 6   | 6.9           |         |
| 2   | 14A51010110 | Vũ Thị Hồng Anh      | 18/09/1996 | KT1401 | 10         | 8       | 8   | 8.3           |         |
| 3   | 14A51010040 | Vũ Thị Vân Anh       | 28/04/1996 | KT1401 | 10         | 9       | 7   | 7.8           |         |
| 4   | 14A51010085 | Đào Duy Bình         | 18/10/1996 | KT1401 | 4          | 4       | 5   | 4.7           |         |
| 5   | 14A51010045 | Đinh Thị Lan Chi     | 05/03/1996 | KT1401 | 10         | 9       | 8   | 8.5           |         |
| 6   | 14A51010066 | Mai Thị Kim Cúc      | 27/11/1996 | KT1401 | 10         | 8       | 8   | 8.3           |         |
| 7   | 14A51010086 | Doãn Bảo Cường       | 30/10/1992 | KT1401 | 10         | 8       | 5   | 6.2           |         |
| 8   | 14A51010107 | Phạm Việt Cường      | 26/08/1996 | KT1401 | 7          | 5       | 2   | 3.2           |         |
| 9   | 14A51010108 | Lã Thị Mỹ Duyên      | 08/08/1995 | KT1401 | 10         | 9       | 6   | 7.1           |         |
| 10  | 14A51010039 | Hoàng Thị Thùy Dương | 09/01/1996 | KT1401 | 10         | 8       | 8   | 8.3           |         |
| 11  | 14A51010050 | Nguyễn Trần Đạt      | 16/03/1996 | KT1401 | 10         | 8       | 7   | 7.6           |         |
| 12  | 14A51010099 | Bùi Thị Hào          | 06/05/1996 | KT1401 | 10         | 0       | 0   | 1.5           |         |
| 13  | 14A51010017 | Trịnh Thị Hằng       | 08/08/1996 | KT1401 | 10         | 9       | 7   | 7.8           |         |
| 14  | 14A51010057 | Đào Thị Hoa          | 25/10/1996 | KT1401 | 10         | 8       | 5   | 6.2           |         |
| 15  | 14A51010077 | Hà Thị Hoa           | 30/11/1995 | KT1401 | 10         | 8       | 7   | 7.6           |         |
| 16  | 14A51010100 | Bùi Thị Hòa          | 12/06/1996 | KT1401 | 10         | 8       | 7   | 7.6           |         |
| 17  | 14A51010096 | Nguyễn Thị Thu Huệ   | 15/03/1996 | KT1401 | 10         | 9       | 7   | 7.8           |         |
| 18  | 14A51010033 | Hà Thị Thanh Huyền   | 03/10/1996 | KT1401 | 10         | 7       | 7   | 7.5           |         |
| 19  | 14A51010087 | Nguyễn Thị Lan       | 18/02/1995 | KT1401 | 10         | 9       | 8   | 8.5           |         |
| 20  | 14A51010010 | Nguyễn Thùy Linh     | 15/06/1996 | KT1401 | 10         | 9       | 8   | 8.5           |         |
| 21  | 14A51010013 | Nguyễn Hữu Lộc       | 01/01/1996 | KT1401 | 10         | 6       | 3   | 4.5           |         |
| 22  | 14A51010082 | Nguyễn Trần Hương Ly | 18/10/1996 | KT1401 | 10         | 0       | 0   | 1.5           |         |
| 23  | 14A51010032 | Vàng Thúy Nga        | 13/08/1996 | KT1401 | 10         | 7       | 5   | 6.1           |         |
| 24  | 14A51010058 | Hoàng Thu Ngân       | 11/06/1996 | KT1401 | 10         | 7       | 5   | 6.1           |         |

Mã DS: 2995

| STT | MÃ SV       | HỌ VÀ TÊN           | NGÀY SINH  | LỚP CN | ĐIỂM       |         |     | ĐIỂM HỌC PHẦN | GHI CHÚ |
|-----|-------------|---------------------|------------|--------|------------|---------|-----|---------------|---------|
|     |             |                     |            |        | Chuyên cần | Giữa kỳ | Thi |               |         |
| 25  | 14A51010062 | Đỗ Như Ngọc         | 22/04/1995 | KT1401 | 10         | 5       | 2   | 3.7           |         |
| 26  | 14A51010049 | Nguyễn Thị Như Ngọc | 11/11/1996 | KT1401 | 10         | 10      | 7   | 7.9           |         |
| 27  | 14A51010090 | Ngô Thị Thu Nguyệt  | 15/02/1996 | KT1401 | 10         | 7       | 6   | 6.8           |         |
| 28  | 14A51010047 | Trần Nhã Phương     | 30/10/1996 | KT1401 | 10         | 9       | 7   | 7.8           |         |
| 29  | 14A51010042 | Chu Văn Quân        | 28/06/1995 | KT1401 | 10         | 8       | 8   | 8.3           |         |
| 30  | 14A51010095 | Nguyễn Mạnh Tất     | 16/08/1996 | KT1401 | 10         | 5       | 7   | 7.2           |         |
| 31  | 14A51010111 | Nguyễn Tiến Thành   | 03/08/1995 | KT1401 | 10         | 8       | 8   | 8.3           |         |
| 32  | 14A51010104 | Nông Bế Thành       | 26/12/1996 | KT1401 | 10         | 5       | 6   | 6.5           |         |
| 33  | 14A51010098 | Bùi Thị Phương Thảo | 26/10/1996 | KT1401 | 10         | 7       | 7   | 7.5           |         |
| 34  | 14A51010084 | Hầu Phương Thảo     | 10/08/1996 | KT1401 | 10         | 9       | 6   | 7.1           |         |
| 35  | 14A51010091 | Thân Ngọc Thịnh     | 17/11/1996 | KT1401 | 10         | 6       | 6   | 6.6           |         |

Số SV có trong danh sách: 35    Số SV đạt yêu cầu: 29    Số SV không đạt yêu cầu: 6

Lập biểu

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20.....

CHỦ NHIỆM KHOA

Lê Quang Mạnh  
14:17:52 11/10/2016